

Số: 02 /2024/QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 12 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về việc thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 31/2015/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Khiếu nại;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 366/TTr-STNMT ngày 16 tháng 10 năm 2023 và Công văn số 6189/STNMT-TTr ngày 25 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về việc thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Thuận được ban hành kèm theo Quyết định số 31/2015/QĐ-UBND ngày 15/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Hiệu lực thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai

Thực hiện theo quy định tại khoản 58 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 5 như sau:

“3. Trường hợp một hoặc các bên tranh chấp không nhận quyết định, không ký tên hoặc điểm chỉ vào biên bản thì cán bộ ghi rõ lý do và có 02 người chứng kiến, ký tên. Cơ quan tài nguyên và môi trường có trách nhiệm triển khai quyết định tiến hành niêm yết công khai quyết định tại ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp và thông báo cho ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa chỉ thường trú các bên tranh chấp, việc niêm yết phải được lập thành biên bản.

Thời gian niêm yết thực hiện theo quy định tại khoản 58 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai. Ngày bắt đầu niêm yết được xem là ngày quyết định đã được giao.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

“Điều 13. Thành lập ban thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật

1. Trước khi tiến hành cưỡng chế, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập ban thực hiện cưỡng chế.

2. Thành phần ban thực hiện cưỡng chế gồm:

a) Chủ tịch hoặc phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện là trưởng ban;

b) Thành viên đại diện cho các cơ quan cấp huyện gồm: Thanh tra, tư pháp, tài nguyên và môi trường, xây dựng; đại diện lãnh đạo ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất và các thành viên khác do chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“Điều 14. Trường hợp người được thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có đơn yêu cầu thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật

1. Sau khi quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật nhưng chưa được thi hành, người được thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có quyền nộp đơn yêu cầu thi hành quyết định gửi đến ủy ban nhân dân cấp huyện (tại ban tiếp công dân cấp huyện).

2. Ban tiếp công dân cấp huyện phải vào sổ nhận đơn, ra phiếu nhận đơn và chuyển đơn cho ủy ban nhân dân cấp huyện.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

“Điều 15. Ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thành lập, ban thực hiện cưỡng chế tổ chức họp và tham mưu cho chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.

2. Nội dung quyết định cưỡng chế phải đầy đủ thông tin cá nhân, địa chỉ của người bị cưỡng chế; thông tin thửa đất, diện tích đất, vị trí thửa đất, nơi đất tọa lạc để đảm bảo thi hành cưỡng chế đúng đối tượng.”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

“Điều 19. Nội dung tiến hành triển khai quyết định cưỡng chế

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 59 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai).”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 25 như sau:

“Điều 25. Kinh phí bảo đảm thực hiện cưỡng chế

1. Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện việc cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.

2. Việc lập và thanh quyết toán kinh phí thực hiện cưỡng chế thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan.”.

Điều 2. Thay thế các cụm từ “Ban cưỡng chế” tại Quyết định số 31/2015/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận bằng cụm từ “ban thực hiện cưỡng chế”.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám

độc Sở Tài nguyên và Môi trường, thủ trưởng các sở, ban, ngành đoàn thể tỉnh; chủ tịch ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; chủ tịch ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Thuận;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Báo Bình Thuận;
- Đài Phát thanh - Truyền hình Bình Thuận;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NCKSTTHC(H b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đoàn Anh Dũng